TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA
tapchikhoahoc@ukh.edu.vn

CÁCH THỨC SINH VIÊN NHẮN TIN QUA ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ ĐẾN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thị Minh Hạnh[1]

[1]*Trường Đại học Quảng Nam*

Tóm tắt:

Tin nhắn bằng tiếng Việt trên điện thoại di động ngày nay được soạn thảo dưới nhiều hình thức khác nhau tùy thuộc vào người nhắn tin và người nhận tin nhắn. Nếu chữ viết trong tin nhắn không chuẩn thì theo thời gian sẽ làm ảnh hưởng đến sự trong sáng của tiếng Việt. Để tìm hiểu những nguy cơ tiềm ẩn có thể gây ảnh hưởng đến sự trong sáng của tiếng Việt, bài báo sẽ tập trung phân tích các yếu tố ngôn ngữ từ cách nhắn tin trên điện thoại di động của sinh viên khoa ngoại ngữ, một thế hệ tri thức trẻ tương lai của đất nước, thế hệ sẽ sử dụng nhiều ngoại ngữ trong công việc và cuộc sống. Bài báo được thực hiện dựa trên các quan điểm của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng về giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Hy vọng kết quả bài báo sẽ góp phần bé nhỏ vào công tác giảng dạy cho sinh viên học và sử dụng ngôn ngữ một cách hợp lý nhất trong thời đại hội nhập.

Từ khóa: *tin nhắn bằng tiếng Việt, điện thoại di động, ảnh hưởng, sự trong sáng, tiếng Việt.*

1. MỞ ĐẦU

Mỗi dân tộc trên thế giới đều có một ngôn ngữ đặc trưng cho dân tộc mình. Ngôn ngữ đó biểu trưng cho một nền văn hoá truyền thống, tiêu biểu cho một đời sống xã hội. Tiếng Việt là một ngôn ngữ luôn gắn liền với sự phát triển của xã hội Việt Nam. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng [4] đã nhiều lần nói: "Tiếng Việt của chúng ta rất giàu bởi đời sống muôn màu, đời sống tư tưởng và tình cảm dồi dào của dân tộc ta; bởi kinh nghiệm đấu tranh lâu dài và phong phú, bởi những kinh nghiệm sống của hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Tiếng Việt của chúng ta phản ánh sự hình thành và trưởng thành của xã hội Việt Nam và của dân tộc Việt Nam. Tiếng Việt hiện nay có khả năng rất lớn, phải nói là khả năng vô bờ bến để diễn tả đời sống tư tưởng và tình cảm ngày càng phong phú, đẹp đẽ của dân tộc. Bản thân nó đã giàu, nó lại có khả năng biến hóa vô cùng, nếu chúng ta biết giữ nó, dùng nó, biết phát triển nó". Năm 1966 [4], cố Thủ tướng cũng đã phát động phong trào "Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt". Trong bài phát biểu của mình, cố Thủ tướng đã lưu ý ba khâu công việc cần làm để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt: *1. Phải giữ gìn và phát triển vốn chữ của ta; 2. Phải "nói và viết đúng phép tắc của tiếng ta; 3. Phải "giữ gìn bản sắc, tinh hoa, phong cách của tiếng ta trong mọi thể loại văn (văn nghệ, chính trị, khoa học, kỹ thuật...).*

Trên cơ sở lưu ý thứ hai của cố Thủ tướng "*Phải nói và viết đúng phép tắc của tiếng ta*", nhìn lại tiến trình phát triển của tiếng Việt trong thời đại kỹ thuật số, mọi người đều có điện thoại di động để liên lạc với nhau. Đặc biệt, số lượng sinh viên sử dụng điện thoại để nhắn tin cho người thân, bạn bè là rất lớn. Qua khảo sát thực tế 100 sinh viên ở các lớp đại học ngành ngôn ngữ Anh của Khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Quảng Nam cho thấy 100% sinh viên sử dụng điện thoại di động để nhắn cho bạn bè hoặc bạn trai (gái) đặc biệt của mình với số lần nhắn tin từ 2 đến 10 lần trong một ngày, trong đó 30% sinh viên cho rằng mỗi ngày gửi đi 5 tin nhắn. Sinh viên soạn tin nhắn bằng tiếng Việt trên điện thoại di động với nhiều cách thể hiện chữ viết khác nhau chứ không giống như khi viết trên giấy. Chính vì vậy, tìm hiểu cách nhắn tin tiếng Việt của sinh viên qua điện thoại di động là điều cần thiết để có những can thiệp kịp thời trong quá trình giảng dạy cho những chủ nhân tương lai của đất nước về việc sử dụng tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết được thực hiện dựa trên phương pháp điều tra qua phiếu khảo sát. Phiếu khảo sát gồm 21 câu hỏi tập trung vào bốn phạm trù: *chữ có dấu thanh, chữ viết tắt, cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt và từ vay mượn*. Phiếu khảo sát được phát ngẫu nhiên cho 100 sinh viên các lớp đại học ngành ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Quảng Nam. Sau khi thu thập, phiếu điều tra được phân tích, tổng hợp các kết quả.

3. QUAN ĐIỂM VỀ GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

3.1. Quan điểm của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng

Xét về chữ nghĩa, có thể nói cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã có quan niệm khá đầy đủ và giản dị về cụm từ định danh "giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt". Quan niệm của tác giả về các từ cơ bản trong cụm định danh trên như sau:

Về từ "giữ gìn", cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng [6] ghi rõ: "Khi chúng ta nói "giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt" thì chữ "giữ gìn" ấy bao trùm một ý quan trọng là chúng ta không thể để cho mất đi một cái gì vô cùng quý báu, một cái gì khiến cho tiếng Việt là tiếng Việt (…)". Như vậy, từ này hàm ý không để và không làm mất đi cái "Vô cùng quý báu" của tiếng Việt (cái bản sắc, tinh hoa của tiếng Việt) bằng cách phải bảo vệ và phát triển nó, trên cơ sở hiểu nó một cách sâu sắc. Đây rõ ràng là một yêu cầu cao đối với cán bộ, đảng viên, bởi nó không chỉ dừng lại ở hình thức của cách nói, cách viết, mà trước hết là một quan niệm và một ý thức về bản thân tiếng Việt, nhận thức được cái "vô cùng quý báu, khiến cho tiếng Việt là tiếng Việt". Cái đó, ở nhiều chỗ khác nhau, chính cố Thủ tướng gọi là cái "bản sắc, tinh hoa" của tiếng Việt.

Về các từ "trong" và "sáng", cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng [6] đã nêu: "trong, có nghĩa là trong trẻo, không có chất tạp, không đục; sáng có nghĩa là sáng tỏ, chiếu sáng, sáng chói, nó phát huy cái trong, nhờ đó phản ánh được tư tưởng và tình cảm của người Việt Nam ta, diễn tả trung thành và sáng tỏ điều chúng ta muốn nói tới".

Như vậy, sự "trong sáng" của ngôn ngữ, mà ở đây là tiếng Việt, theo cố Thủ tướng là cái "thuần tuý", "tinh tuý", cái chỉ có ở tiếng Việt, không lẫn với ngôn ngữ nào khác, cái làm nên bản chất, cốt cách của bản thân tiếng Việt.

3.2. Quan điểm của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam

Theo Nguyễn Văn Khang, Viện ngôn ngữ học Việt Nam: "Nói đến trong sáng là nói đến sự chuẩn hóa. Ở đâu sự giao tiếp bị cản trở (không rõ ràng, không chính xác, không hay) thì rõ ràng cần có sự điều chỉnh cho phù hợp" [8].

Theo Dương Kỳ Đức, Tổng thư ký Hội ngôn ngữ học Việt Nam "Lâu nay, nhiều người vẫn cho rằng, một tiếng Việt trong sáng là một tiếng Việt thuần nhất, không pha tạp"[8].

Theo Phạm Văn Tình, Viện Từ điển học và Bách khoa toàn thư: "Một tiếng Việt trong sáng phải là cơ bản và thuần nhất, có cách nói, cách dùng từ chuẩn với đại đa số, mang tư duy dân tộc" [8].

Hoàng Phê [2] cho rằng từ 'trong sáng" nghĩa là "ở trạng thái giữ được bản sắc tốt đẹp, không có hiện tượng pha tạp".

Các quan điểm của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ cho thấy giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt là sự duy trì ngôn ngữ tiếng Việt một cách thuần nhất, không lai tạp, có tính chuẩn hóa cao về mặt ngữ nghĩa và cấu trúc.

4. NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT QUA CÁCH THỨC SINH VIÊN NHẮN TIN TRÊN ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TẾ

Tùy theo phương diện thể hiện ngôn ngữ mà những yếu tố ảnh hưởng đến sự trong sáng của tiếng Việt khác nhau. Ví dụ, nếu tiếng Việt được thể hiện qua lời nói thì việc phát âm từ tiếng Việt chuẩnđược xem là một trong những yếu tố bảo tồn sự trong sáng của ngôn ngữ. Tin nhắn trên điện thoại là tiếng Việt được thể hiện qua chữ viết. Vì vậy, có những yếu tố sau đây được xem là có ảnh hưởng đến sự trong sáng của tiếng Việt:

4.1. Dùng từ

Về vốn chữ, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng [4] nêu lại hai khuynh hướng dễ mắc phải, đó là a) "bệnh nói chữ" (ví dụ, nói *xạ kích* mà không nói *bắn súng*, nói *cự li* mà không dùng từ *khoảng cách*, hay việc dùng không đúng nghĩa các từ *tồn tại, trao đổi* v.v…); b) bệnh "nói tắt, viết tắt" không đúng như cách "nói gộp": *sinh, tâm lý, y bác sĩ* v.v…).

Tiếng Việt trong các tin nhắn điện thoại được soạn dưới các dạng viết tắt, viết không có dấu thanh đã trở nên phổ biến. Việc không có dấu thanh dẫn đến hậu quả nhiều nội dung trong một tin nhắn có thể được hiểu khác nhau hoặc có lúc gây khó hiểu, không hiểu cho người nhận và người đọc tin.

4.1.1. Dùng tiếng Việt không có dấu thanh

Ví dụ: "co ay la nguoi vo dam dang"(Cô ấy là người vợ đảm đang) [9].Với tin nhắn không dấu như trên, người đọc cũng có thể nghĩ là "Cô ấy là người vợ dâm đãng". Như vậy, không sử dụng dấu thanh trong tiếng Việt sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến

nghĩa cần biểu đạt trong tin nhắn, nó có thể làm tăng hoặc giảm giá trị biểu đạt và có lúc gây hiểu lầm.

Kết quả khảo sát cho thấy chỉ có 39% sinh viên sử dụng đầy đủ dấu thanh khi soạn tin nhắn. Có đến 61% sinh viên còn lại soạn tin nhắn gồm từ có dấu hoặc từ không có dấu hoặc không sử dụng dấu thanh. Chỉ có 3% sinh viên luôn nhận được tin nhắn có đầy đủ dấu thanh. Tỷ lệ lớn sinh viên (97%) còn lại thường xuyên hoặc thỉnh thoảng nhận tin nhắn không có dấu thanh. Kết quả cho thấy tỷ lệ sinh viên không dùng dấu thanh khi soạn tin và tỷ lệ tin nhắn sinh viên nhận được không có dấu thanh đều ở mức cao.

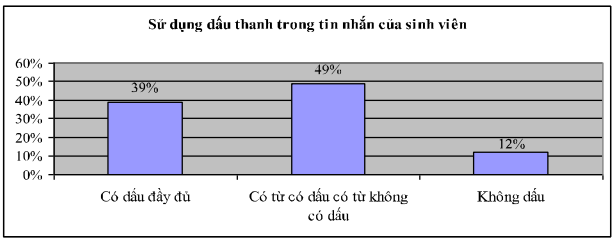

Bảng 1. Việc soạn tin nhắn có dấu thanh của sinh viên

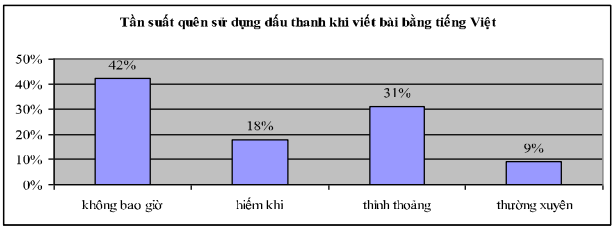

Từ việc thường xuyên soạn tin nhắn và nhận tin nhắn hằng ngày không có đầy đủ dấu thanh đã dần hình thành thói quen không sử dụng dấu thanh khi viết bài học bằng tiếng Việt. Qua khảo sát cho thấy chỉ có 42% sinh viên thường xuyên sử dụng dấu thanh khi viết bài, còn lại 58% sinh viên quên không dùng dấu thanh khi viết bài ở những mức độ khác nhau.

4.1.2. Dùng chữ viết tắt

Ví dụ "Hum ni là 14-2 đéy pà kon ạ" (Hôm nay là 14-2 đấy bà con ạ) [9]

Tin nhắn ở ví dụ trên thoạt nhìn người đọc sẽ nghĩ đó là dạng chữ viết của một dân tộc thiểu số nào đó chứ không nghĩ đó là tiếng Việt. Như vậy,

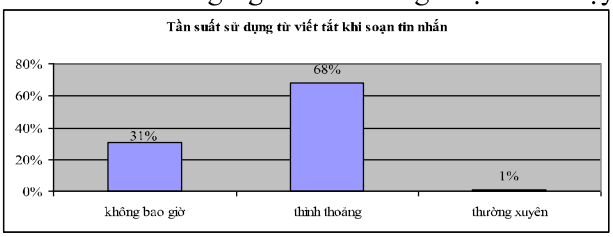

Bảng 4. Tần suất sử dụng từ viết tắt khi soạn tin nhắn của sinh viên

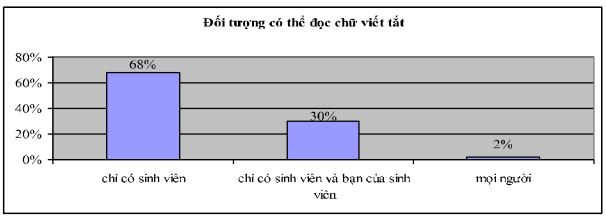

Bảng 6. Đối tượng có thể đọc chữ viết tắt trong tin nhắn

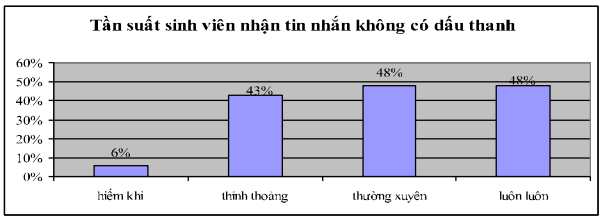

Bảng 2. Tần suất sinh viên nhận tin nhắn không có dấu thanh

⇦Bảng 3. Tần suất quên sử dụng dấu thanh khi viết bài bằng tiếng Việt của sinhviên

cách viết tắt tùy tiện đã làm cho tiếng Việt gốc bị biến dạng về mặt từ, rồi về mặt ngữ nghĩa. Từ những lưu ý của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng về hai khuynh hướng dễ mắc phải khi sử dụng từ, qua thực tế điều tra cho thấy sinh viên đang mắc phải chứng bệnh "viết tắt" mà cố Thủ tướng đã từng nêu. Số lượng sinh viên viết tắt khi soạn tin nhiều hơn số lượng sinh viên không viết tắt. Tương tự khi nhắn tin thì 98% sinh viên cũng nhận lại tin nhắn với nội dung được viết tắt với tần suất khác nhau. Kết quả cho thấy sinh viên gửi tin nhắn có chữ viết tắt cho bạn bè và những người cùng trang lứa. Điều này cũng phản ánh được một thực trạng là những đối tượng trong độ tuổi của sinh viên đều đang sử dụng hình thức viết tắt để nhắn tin.

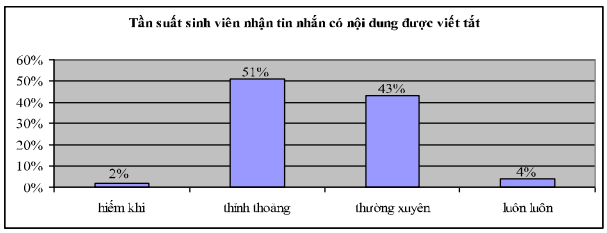

Bảng 5. Tần suất sinh viên nhận tin nhắn có nội dung được viết tắt

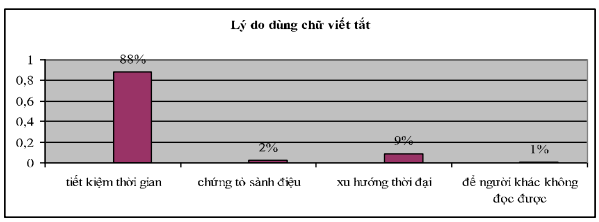

của sinh viên

Bảng 7. Lý do dùng chữ viết tắt

Sinh viên cũng cung cấp những câu trả lời khác nhau về lý do dùng chữ viết tắt. Mặc dù đa số chọn lý do là để tiết kiệm thời gian nhưng một số lượng nhỏ sinh viên còn lại cho rằng viết tắt là để chứng tỏ sành điệu, hoặc cho đó là cách chứng tỏ mình sống phù hợp với xu hướng thời đại, hoặc để người khác không đọc được nội dung tin nhắn. Cho dù có chọn phương án trả lời nào thì một thực trạng vẫn đang tồn tại trong sinh viên đó là sinh viên đang làm biến dạng tiếng Việt dưới nhiều kiểu khác nhau.

Bảng 8. Bảng liệt kê những từ, chữ sinh viên thường viết tắt khi nhắn tin

Số thứ tự	Những từ, chữ sinh viên thường viết tắt	Ký hiệu viết tắt
1^+	Cảm ơn	c.ơn
2^+	Xin lỗi	xl
3^+	Tạm biệt	pp
4^+	Thời gian	tg
5^+	Điện thoại	đt
6^+	Nói	ns
7^+	Với	Vs
8^+	Mới	ms
9^+	Anh	a
10^+	Em	e
11^+	Biết	Bk, pit, bik, pik
12^+	Ph	f
13^+	Ngủ ngon	nn
14^+	Không	K, hk, hok
15^+	Được	đc
16^+	Đang làm chi đó?	Đlcđ?
17^+	Vui vẻ	Vv, zz
18^+	Mình, mi	m
19^+	Ta, tôi	t
20^+	Bạn	B, u
21^+	Không liên quan	klq
22^+	Nhắn tin	nt
23^+	Không có chi	kcc
24	Buồn	bùn
25	Muốn	mún
26	Mà	Mk
27	Làm	Lm
28	Yêu	Iu, y
29	Cũng	cx
30	Mọi người	mn
31	Dễ thương	zt
32	Vậy	V, z
33	Công việc	cv
34	Đi	yk
35	Người yêu	ny
36	Đang	đg
37	Suy nghĩ	sn
38	Học bài	hb
39	Như thế nào	ntn
40	Hôm nay	Hnay, hni
41	Răng	ren
42	Đồng ý	đ/ý
43	Giờ	H

44	Mơ siêu đẹp	msđ
45	Bữa nay	Bnay, bni
46	Chủ nhật	cn
47	Xong	xg
48	Bình thường	bt
49	Trả lời	tl
50	Bao nhiêu	bn
51	Người yêu	ny

[+] *Các từ viết tắt được sinh viên sử dụng nhiều nhất khi nhắn tin*

Bảng liệt kê trên cho thấy sinh viên tự quy ước với nhau về các kiểu viết tắt và những từ này hiển nhiên được sử dụng rộng rãi khi các em nhắn tin. Thậm chí những từ như *xin lỗi, cảm ơn, tạm biệt* cũng được sinh viên viết tắt như *c.ơn, xl, pp*. Cách viết tắt như thế này đã làm biến hóa dạng từ tiếng Việt so với từ gốc ban đầu. Từ *buồn, muốn* được sinh viên viết tắt lại *bùn, mún.* Xét về nghĩa thì hai từ gốc ban đầu và hai từ sinh viên viết tắt không có quan hệ nghĩa, nhưng chúng cũng đã được chấp nhận và sử dụng phổ biến trong tin nhắn của sinh viên. Đây là một nguyên nhân ngấm ngầm dẫn đến hiện tượng viết sai chính tả, rồi đến việc dùng từ sai ngữ cảnh, hệ lụy là nghĩa biểu đạt ban đầu trong từng từ mà nó hàm chứa không còn nữa. Đến một lúc sinh viên không còn nhận ra từ nào dùng trong ngữ cảnh nào thì sự trong sáng của tiếng Việt chắc sẽ không còn được "sáng" nữa. Bảng liệt kê cho thấy sinh viên đã sử dụng từ viết tắt cho rất nhiều từ và một từ thì cũng có nhiều cách viết tắt khác nhau. Đó là lý do tại sao khi cho một tin nhắn mẫu, yêu cầu sinh viên soạn theo cách sinh viên từng soạn thì có 100 kết quả với những kiểu chữ khác nhau:

Tin nhắn mẫu: *Hôm nay mình bận lắm vì phòng trọ chỗ mình ở có thêm một bạn mới. Bạn mới này chắc bạn cũng biết đó. Chiều bạn có rãnh thì sang phòng mình chơi. Bạn sẽ thấy rất vui đó.*

Tin nhắn của sinh viên soạn:

1. Hnay mink panj lam vi fg troj cho mink o co them mot banj ms. B ms nay chak banj cug pix đok. Cs banj co ranh thi sag fog mink ckoj nhe. Banj se thâj rat zuj đok.

2. today mk ban lem vi fog tro cho mk o co them 1 bn ms. Bn ms nay chac bn cug bix do. Chiu bn co rak thi sang fog mk choi nhe. Bn se thay rat zui do.

3. Hum nay t ban lamk vj fong tro t cok them 1 dua, chac mi kung pic nok dok. Chiu cok time wa t choj nge, zui lamk.

4. Pua nj mjh ban lam vj ptro cho mjh o co them 1 ban moj, ban moj nay chak ban cug bik do. Chij ban co ranh thi sag pog mjh choj nha. Ban se thay rat zuj do

Ngoài việc không sử dụng dấu thanh, sinh viên còn sử dụng đa dạng các cách viết tắt cho cùng một từ như từ *bạn (panj, banj, bn)*, *hôm nay (hum nay, hnay, pua ni)*. Có những từ viết tắt có độ dài bằng hoặc còn dài hơn cả viết có dấu nếu tính về số lượng chữ cái như *đok (đó), zuj (vui), cok (có)* nhưng sinh viên vẫn thích viết tắt.

Qua phân tích khảo sát trên cho thấy việc tự tiện dùng chữ viết tắt khi nhắn tin không làm cho sinh viên tiết kiệm thời gian như sinh viên nghĩ, mà chỉ làm cho chữ gốc, nghĩa gốc của tiếng Việt bị phai mờ dần trong ý thức sinh viên.

4.2. Vay mượn từ nước ngoài

Mặc dù nhiều lúc cố Thủ tướng cho rằng sự vay mượn từ ngữ là cần thiết, nhưng ở bài viết năm 1980 [6], ông khuyên là nên phát huy hết khả năng của tiếng Việt để diễn tả cái mới: từ mới, thuật ngữ mới, cách nói mới. Phải làm sao để vừa phát triển được tiếng Việt từ khả năng của tiếng Việt, lại vừa phải làm cho tiếng Việt "luôn luôn trong sáng". Trong bài viết 1999 [7], ông cũng chỉ rõ như sau:

"Một ngôn ngữ được đánh giá là phát triển khi mà càng ngày nó càng mở rộng và phân biệt các phong cách ngôn ngữ khác nhau (phong cách khoa học, phong cách hành chính, sự vụ, phong cách nghệ thuật, v.v…)".

Theo như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng [4] thì ngôn ngữ có chức năng là phương tiện giao tiếp giữa con người với nhau đồng thời là công cụ của tư duy. Ở bài viết năm 1980 [6], cố Thủ tướng còn nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy: "Ngôn ngữ nào tư duy ấy, tư duy nào ngôn ngữ ấy. Sự gắn bó giữa ngôn ngữ và tư duy như hình với bóng".

Chủ tịch Hồ Chí Minh [1] đã từng nói: "Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó nhằm làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp. Của mình có mà không dùng, lại đi mượn của nước ngoài, đó chẳng phải là đầu óc quen ỷ lại hay sao?". NhưngChủ tịch Hồ Chí Minh [1] cũng không ủng hộ thói bảo thủ. Bác thường xuyên nhắc nhở *"tiếng nào sẵn có thì dùng tiếng ta*" và đồng thời chỉ rõ "*có những chữ ta không sẵn có và khó dịch đúng thì cần phải mượn chữ nước ngoài".*

Trong quá trình khảo sát, sinh viên đã sử dụng tiếng Anh chêm xen trong tin nhắn bằng tiếng Việt. Ví dụ trong tin nhắn mẫu sau: "Hôm nay mình bận lắm vì phòng trọ chỗ mình ở có thêm một bạn mới". Tin nhắn này đã được sinh viên soạn như sau: *Today mk busy lam vì fog troj chỗ mjnk ở có thêm 1 bn ms*.

Hoàng Phê [3] từng nói: "Khi ta mượn một từ nước ngoài, thì với một ý nghĩa nào đó, chúng ta đã "tạo" một từ mới của ta: từ tiếng Việt này sẽ có một đời sống riêng của nó. Như vậy, sử dụng liên tục các từ tiếng Anh chêm xen vào tiếng Việt như kiểu mà sinh viên dùng trong tin nhắn như ví dụ trên dần dần sẽ làm cho sinh viên không thể dùng lại các từ tiếng Việt có nghĩa tương đương. Như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói về chức năng của ngôn ngữ là công cụ tư duy thì với cách sử dụng tiếng nửa tây nửa ta, ngay cả khi không cần thiết sẽ khiến sinh viên khó có được một ý tưởng tiếng Việt trau chuốt trong tư duy.

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên có dùng một trong những ngoại ngữ như tiếng Anh, tiếng Trung hoặc tiếng Nhật để chêm xen vào tin nhắn. Một số lượng lớn sinh viên (45%) cho rằng sử dụng chêm xen ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh như vậy là để luyện tập tiếng Anh. Tuy nhiên, cách dùng tiếng Việt và tiếng Anh lẫn lộn trong một tin nhắn không phải là cách để luyện mà chỉ làm cho cả hai ngôn ngữ sinh viên đang có trở nên yếu dần đi. Tiếng Việt không phát huy được hết cái nghĩa trọn trong ý tưởng của người gửi và tiếng Anh lạibị sử dụng rải rác trong tin nhắn.

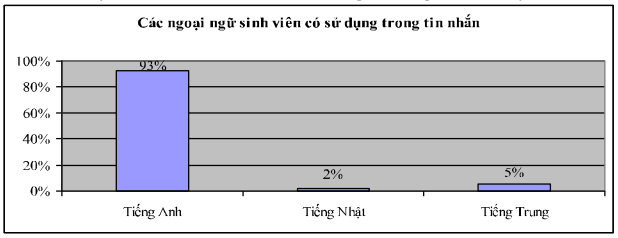

Bảng 9. Các ngoại ngữ được sinh viên dùng trong tin nhắn

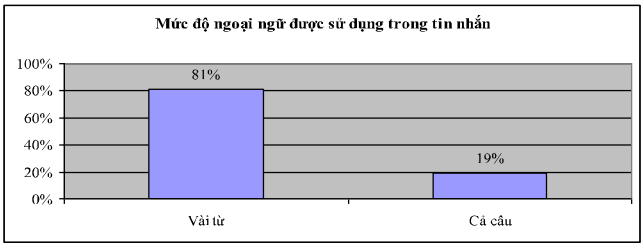

Bảng 10. Mức độ ngoại ngữ được sử dụng trong tin nhắn

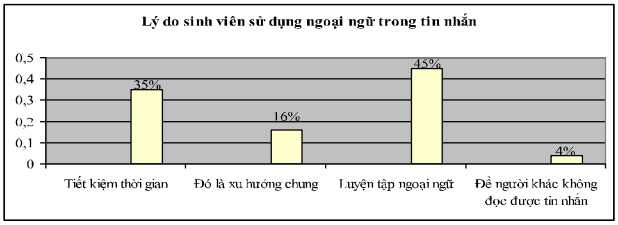

⇦Bảng 11. Lý do sinh viên sử dụng ngoại ngữ trong tin nhắn

Bác Hồ thường xuyên nhắc nhở *"tiếng nào sẵn có thì dùng tiếng ta"* và đồng thời chỉ rõ *"có những chữ ta không sẵn có và khó dịch đúng thì cần phải mượn chữ nước ngoài"*. Qua bảng liệt kê (bảng 12) từ tiếng Anh sinh viên thường dùng chêm xen vào thì không có từ nào mà tiếng Việt không có nghĩa tương đương. Vậy việc dùng chêm xen này chỉ làm cho tiếng Việt phức tạp lên và thể hiện tư tưởng*"chẳng phải là đầu óc quen ỷ lại hay sao?"*[1].

Bảng 12. Bảng liệt kê những từ tiếng Anh sinh viên thường sử dụng khi nhắn tin

Số thứ tự	Từ tiếng Anh	Nghĩa tiếng Việt
1+	Thank you	cảm ơn
2+	Yes	ừ, vâng, dạ
3+	No	không
4+	Bye	Tạm biệt
5+	Ok	Được
6+	Of	Của
7+	Good night	Chúc ngủ ngon
8+	Happy birthday, happy new year, good luck, good morning, hey, best wishes, hi, hello.	Chúc mừng sinh nhật, chúc mừng năm mới, chúc may mắn, chào buổi sáng, chúc mọi điều tốt đẹp, chào.
9+	Busy, glad, safe, sure, sad, free, great, unbelievable, good, lovely.	Bận rộn, vui, an toàn, chắc chắn, buồn, tự do, tuyệt, không thể tin, tốt, đáng yêu.
10	Who, what, where, when, why, What you mean, how are you, would you like, what do you do, what the hell, what's up, what are you doing, and you,	Ai, cái gì, ở đâu, khi nào, tại sao, ý bạn là gì, bạn khỏe không, bạn thích không, bạn làm gì, chuyện gì thế, bạn đang làm gì đấy, còn bạn thì sao, bạn có thể không.

	can you.	
11	Not at all, you're welcome, oh my god, the same to you, long time no see, I don't know, of course, nothing, oh.	Không có gì, trời ơi, chúc bạn cũng vậy, đã lâu không gặp, tôi không biết, tất nhiên, không có gì, ồ.
12	Boy, girl, you, mom, dad, level, boss, status, baby, stress, ship, my.	Cậu bé, cô bé, ban, me, bố, mức độ, ông chủ, tình trạng, em bé, căng thẳng, tàu thủy, của tôi.
13	Always, often, never, very, already.	Luôn luôn, thường thường, không bao giờ, rất, đã sẵn sàng.
14	Reply, rest, relax, love, like, send, go, kiss, miss, play, go away, help, feel, want, shut up, meet, don't care, let's go.	Hồi âm, nghỉ ngơi, thư giãn, yêu, thích, gửi, đi, hôn, nhớ, chơi, đi khỏi, giúp đỡ, cảm thấy, muốn, im miệng, gặp, không quan tâm, đi thôi.
15	Shopping, fighting.	Mua sắm, đánh nhau
16	Because, as, or, but, and.	Vì, hoặc, nhưng, và.

[+] *các từ tiếng Anh được sinh viên sử dụng nhiều nhất khi nhắn tin*

5. BÀN LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết quả khảo sát thực tế cho thấy 61% sinh viên soạn tin nhắn tiếng Việt không đầy đủ dấu thanh và 97% sinh viên nhận tin nhắn không đầy đủ dấu thanh. 98% sinh viên nhắn tin và nhận tin với các kiểu chữ tiếng Việt được viết tắt dưới nhiều hình thức khác nhau. Hơn 50% sinh viên chỉ dùng từ hoặc cụm từ để nhắn tin thay vì sử dụng câu đầy đủ chủ ngữ, vị ngữ. Có đến 100% sinh viên sử dụng ngoại ngữ mà chủ yếu là tiếng Anh để chêm xen vào khi soạn tin nhắn tiếng Việt.

Từ quan điểm của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng về các yếu tố để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt thì kết quả khảo sát này cho thấy cách thức nhắn tin của sinh viên qua điện thoại di động đang hủy hoại dần những nét đẹp của tiếng Việt. Tuy nhiên trong xã hội hiện đại, nhắn tin là một phương thức giao tiếp cần thiết của con người. Việc dùng tin không dấu thanh và dùng chữ viết tắt cũng xuất phát từ nhu cầu giao tiếp và thời gian giao tiếp. Vậy để hạn chế những khuyết điểm mà sinh viên đang mắc phải thì cần có sự hướng dẫn cụ thể từ các nhà ngôn ngữ. Viện ngôn ngữ học có thể ban hành các danh mục từ viết tắt tiếng Việt và đính kèm trong các sách giáo khoa về Tiếng Việt cho học sinh, sinh viên, trong các tạp chí ngôn ngữ hoặc qua sách, báo khác để không chỉ có sinh viên, học sinh mà tất cả mọi công dân Việt Nam đều phải thống nhất chữ tiếng Việt khi muốn viết tắt, đặc biệt trong tin nhắn điện thoại.Bên cạnh đó, các nhà quản lý, các kỹ thuật viên về truyền thông cần có cơ chế, chính sách để giúp người soạn tin tiếng Việt có thể soạn được dấu thanh đầy đủ và gửi tin nhanh chóng với chi phí rẻ.

6. KẾT LUẬN

Cách nhắn tin qua điện thoại của sinh viên đã cho thấy sự trong sáng của tiếng Việt đang bị ảnh hưởng trầm trọng. Các yếu tố như *dùng từ không có dấu thanh, chữ viết tắt, câu không đầy đủ, dùng từ vay mượn từ nước ngoài* đã xuất hiện đầy đủ trong cách nhắn tin của sinh viên. Đặc biệt, hiện tượng viết tắt với nhiều cách thức đã làm biến dạng hoàn toàn chữ tiếng Việt ban đầu. Vì vậy, cần có những can thiệp kịp thời vào thế hệ sinh viên ngay khi các em mới là những học sinh phổ thông, để tránh đi thói quen sử dụng điện thoại soạn tin nhắn tiếng Việt bị biến dạng. Như lời của cố thủ tướng Phạm Văn Đồng [5] căn dặn "Thế hệ trẻ phải nói và viết tốt hơn chúng ta", và nhiệm vụ của nhà trường là "phải làm sao cho học sinh dần dần có ý thức, có trình độ rồi đi đến có thói quen viết và nói đúng tiếng Việt".

Kết quả khảo sát có thể được áp dụng trong giảng dạy tiếng Việt cho học sinh, sinh viên nói chung và sinh viên ngành ngôn ngữ học nói riêng với mục tiêu giúp các em vừa học tập, nghiên cứu các ngôn ngữ vừa nâng cao ý thức cho các em hơn nữa trong việc sử dụng tiếng Việt, gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt, ngay cả trong những tin nhắn gửi qua điện thoại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Hồ Chí Minh (1971), *Về công tác văn hoá văn nghệ*, trang 60, Nxb Sự thật, Hà Nội.

[2] Hoàng Phê (1988), *Từ điển tiếng Việt,* 1210 trang, NXB Khoa học Xã hội.

[3] Hoàng Phê (2008), *Tuyển tập ngôn ngữ học,* 922 trang, NXB Đà Nẵng.

[4] Phạm Văn Đồng (1966), "Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*", Tạp chí Nghiên cứu văn học* số 3.

[5] Phạm Văn Đồng (1966), "Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*", Tạp chí học tập* số 4.

[6] Phạm Văn Đồng (1980), "Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*", Tạp chí Ngôn ngữ* số 1, tr.1-5.

[7] Phạm Văn Đồng (1999), "Trở lại vấn đề: vì sự trong sáng và phát triển của tiếng Việt", Tạp chí Ngôn ngữ số 6.

[8] [http://www.tuyengiao.vn/Home/vanhoavannghe/nghiencuutraodoivanhoa/48940/Giu-gin-su-trong-sang-cua-Tieng-Viet-trong-boi-canh-hoi-nhap-quoc-te, 21/12/2012].

[9] [http://fbtoday.net/bao-thanh-nien/nhung-van-de-nghiem-trong-dang-huy-hoai-tieng-viet-la-loi-ngu-phap-va-loi-151568.html, 10/2015]

STUDENTS' WAYS OF MESSAGING ON MOBILE PHONES AND THEIR EFFECTS ON THE PURITY OF THE VIETNAMESE LANGUAGE

Nguyen Thi Minh Hanh[1]

[1]*Quang Nam University*

Abstract:

Vietnamese messages on mobile phones now have been written in a lot of ways, depending on the writers and the receivers. If letters from the messages are not written with the standard forms, they will gradually affect on the purity of Vietnamese. To find out the potential risks of affecting the purity of Vietnamese, this article will analyze linguistic elements from the ways to write messages on mobile phones from the students of Department of Foreign Languages. They are the young and intellectual generation of the country. They will be also people who use a lot of languages for their work and life. This analysis is based on the former Prime Minister Pham Van Dong's viewpoints of keeping the purity of Vietnamese. The results from the article are hoped to contribute a small part in teaching students how to learn and how to use languages suitably in the era of integration.

***Key words*:** Vietnamese messages, mobile phones, effects, purity, Vietnamese.